

Số: 6774 /SYT-CSXH
V/v truyền thông hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn và mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Đồng Nai, ngày 22 tháng 9 năm 2026

Kính gửi:

- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai;
 - Ủy ban nhân dân các xã, phường;
 - Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- (Sau đây gọi chung là các đơn vị)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Sở Y tế đề nghị các đơn vị quan tâm, phối hợp tổ chức truyền thông hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn và mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đồng Nai:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 28 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 “*đ) Cơ chế, chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo hướng mở rộng đối tượng, nâng mức thu hưởng bảo đảm hệ thống an sinh xã hội toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; phát triển hệ thống cơ sở chăm sóc người cao tuổi, cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố;*”

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo vùng 1 như sau: “*Mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng) 5.310.000; Mức lương tối thiểu giờ (Đơn vị: đồng/giờ) 25.500*”.

Căn cứ Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội, trong đó tại khoản 2 Điều 4 Nghị định quy định: “*Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 540.000 đồng/tháng*”. Mức chuẩn trợ giúp xã hội này là mức tối thiểu. Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định quy định: “*Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định*”:

a) *Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này;*

b) *Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”.*

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội với mức chuẩn trợ giúp xã hội là **360.000 đồng/tháng**, HĐND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố) đã ban hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 về quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với mức chuẩn trợ giúp xã hội là **400.000 đồng/tháng**, tỷ lệ cao hơn mức chuẩn của Trung ương là 11% (40.000 đồng/tháng). Như vậy, chính quyền tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố) trước đây đã rất quan tâm đến đời sống của các nhóm đối tượng yếu thế, thể hiện chính sách đặc thù của địa phương luôn mở rộng một số nhóm đối tượng thụ hưởng và mức trợ cấp cao hơn chính sách chung của Chính phủ quy định, điều này phù hợp với sự phát triển về kinh tế, xã hội của địa phương với vai trò là một trong số ít địa phương phát triển đứng đầu của cả nước và cũng nằm trong nhóm 05 địa phương duy trì được mức trợ cấp cao hơn mức Chính phủ quy định.

Đến ngày 01 tháng 7 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01/7/2024 là **500.000 đồng/tháng**. HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với mức chuẩn trợ giúp xã hội là **500.000 đồng/tháng**, bằng mức chuẩn của Trung ương.

Đối tượng mở rộng, khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND được áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội là **500.000 đồng/tháng** từ ngày 01/7/2024 đến nay.

Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai từ 15/10/2024 đến 30/6/2026: Mức chuẩn hỗ trợ 500.000

đồng/tháng cho các đối tượng mở rộng của tỉnh (bằng Chính phủ quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01/7/2024 là **500.000 đồng/tháng**), số đối tượng mở rộng của thành phố được thụ hưởng chính sách riêng từ năm 2022 đến nay là 9.348 người, **kinh phí là 53.443,5 triệu đồng** (Trong đó năm 2022 kinh phí là 3.744,1 triệu đồng, năm 2023 kinh phí là 9.252,1 triệu đồng, năm 2024 kinh phí là 17.522,0 triệu đồng, năm 2025 kinh phí là 17.547,9; tám tháng đầu năm 2026 kinh phí là 5.377,4 triệu đồng).

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điểm của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội. Theo đó, đối tượng hưu trí xã hội hưởng trợ cấp **500.000 đồng/tháng** từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở tách nhóm đối tượng người cao tuổi theo điểm b, c khoản 5, Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP¹ và các đối tượng tại điểm đ, e khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NĐ-HĐND² sang hưởng chính sách hưu trí xã hội theo quy định tại Nghị định số 176/2025/NĐ-CP³.

Ngay từ khi Bộ Y tế dự thảo trình Chính phủ mức chuẩn trợ giúp xã hội là: 540.000 đồng/tháng và được đăng công báo, Sở Y tế đã có Công văn số 4416/SYT-CSXH ngày 06/8/2026 gửi Sở Tài chính đề nghị có ý kiến về kinh phí chuẩn bị tham mưu UBND thành phố trình HĐND thành phố đăng ký xây dựng Nghị quyết về chính sách trợ giúp xã hội. Tại Công văn số 5820/STC-NSNN ngày 12/8/2026 của Sở Tài chính có ý kiến “*để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của Trung ương và tăng cường chủ động trong cân đối nguồn lực triển khai thực hiện chính sách cấp thiết trên địa bàn thành phố, Sở Tài chính đề nghị Sở Y tế áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội bằng mức chuẩn khi Chính phủ ban hành quy định về chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội (bao gồm quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội 1) để kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền đăng ký xây dựng Nghị quyết về chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố theo quy định; trường hợp, tình hình cân đối ngân sách thành phố giai đoạn 2027-2030 có khả năng đảm bảo đối với mức hỗ trợ tăng hơn so với mức quy định của Chính phủ, Sở Tài chính sẽ phối hợp với Sở Y tế trong việc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh mức hỗ trợ trên địa bàn thành phố (nếu có)*”.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 335/2026/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội, theo đó mức chuẩn trợ giúp xã hội là: **540.000 đồng/tháng**, Nghị định này có hiệu lực từ ngày 05/10/2026. Đây là mức chi tối thiểu bắt buộc thực hiện theo quy định của Chính phủ, là cơ sở

¹ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

² Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

³ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điểm của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội

để tính mức hỗ trợ cho đối tượng khó khăn của thành phố; đồng thời mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động đã được điều chỉnh theo Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10 ngày 11 năm 2025 của Chính phủ: Mức lương tối thiểu tháng 5.310.000 đồng/tháng; mức lương tối thiểu giờ 25.500 đồng/giờ là cơ sở để tính mức chi phí thuê người chăm sóc đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập khi nằm viện điều trị.

Vì vậy, quy định tại Nghị quyết số 09/2022/NĐ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 19/2024/NĐ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai) áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội là **500.000 đồng/tháng** không còn phù hợp, cần được thay thế để bảo đảm thống nhất với quy định của Chính phủ.

Từ ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 5820/STC-NSNN ngày 12/8/2026, Sở Y tế cơ quan chủ trì tham mưu UBND thành phố chưa đủ cơ sở đề xuất nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội và hưu trí xã hội của thành phố cao hơn mức chuẩn của Chính phủ quy định. Trong thời gian tới, UBND thành phố sẽ tiếp tục giao Sở Y tế, Sở Tài chính căn cứ điều kiện thực tế tham mưu nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội và hưu trí xã hội cho phù hợp với địa phương với vai trò là một trong những đầu tàu về phát triển kinh tế. (Hiện nay mức chuẩn trợ giúp xã hội của các tỉnh, thành phố như Thành phố Hồ Chí Minh (650.000 đồng/tháng)⁴, Hà Nội (650.000 đồng/tháng)⁵, Quảng Ninh (700.000 đồng/tháng)⁶, Hải Phòng (700.000 đồng/tháng)⁷.)

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 28 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 “*đ) Cơ chế, chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo hướng mở rộng đối tượng, nâng mức thu hưởng bảo đảm hệ thống an sinh xã hội toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân;...*”

Căn cứ Nghị định số 335/2026/NĐ-CP tại khoản 2, Điều 4 quy định “*mức chuẩn trợ giúp xã hội là: 540.000 đồng/tháng;*”, khoản 1, Điều 32 quy định “*Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 10 năm 2026*”; khoản 4 Điều 32 quy định “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát danh sách đối tượng đang*

⁴ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của HĐND Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

⁵ Nghị quyết số 63/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của HĐND thành phố Hà Nội quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội

⁶ Nghị quyết số 90/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Ninh quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030

⁷ Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội và mức phí chi trả trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng

hưởng chính sách và quyết định chi trả theo mức tương ứng quy định tại Nghị định này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026”.

Đồng Nai là một thành phố mới trực thuộc Trung ương, có tổng thu ngân sách đứng thứ 04 cả nước, việc điều chỉnh mức chuẩn trợ giúp xã hội cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn đã được quy định tại các Nghị quyết đã ban hành phù hợp với Nghị định số 335/2026/NĐ-CP nhằm kế thừa chính sách đặc thù của thành phố Đồng Nai trước đây, bảo đảm quyền lợi của đối tượng khó khăn của địa phương, thể hiện được sự quan tâm của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đối với đời sống của nhóm đối tượng xã hội yếu thế.

Đồng thời căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP và đề phù hợp với thực tiễn tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp cần đưa nội dung Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vào Nghị quyết thay thế này để tránh phải ban hành nhiều văn bản vì cùng quy định về công tác trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Nghị quyết mới thay thế các Nghị quyết số 09/2022/NĐ-HĐND, Nghị quyết số 19/2024/NĐ-HĐND và Nghị quyết số 30/2024/NĐ-HĐND do HĐND tỉnh Đồng Nai đã ban hành là cần thiết nhằm kịp thời thể chế hóa quy định của Luật, Nghị định liên quan, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tính liên tục trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn; thể hiện được thể mạnh của thành phố về tăng trưởng kinh tế gắn liền với an sinh xã hội.

II. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn và mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

1.2. Đối tượng áp dụng

(1). Đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Đồng Nai:

a) Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc các trường hợp sau:

- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng;

- Có cha và mẹ nhưng cả cha và mẹ đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng hoặc không xác định được người cha nhưng có mẹ đang hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng.

b) Người thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất nếu quá trình học liên tục không bị gián đoạn (trừ trường hợp được tạm dừng học, bảo lưu kết quả học tập theo quy định của pháp luật về giáo dục) thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học.

c) Người thuộc hộ nghèo không còn thành viên nào có khả năng lao động đã được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận tại thời điểm làm hồ sơ đề nghị xét trợ cấp, không có lương hưu, không có trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, không có trợ cấp xã hội hàng tháng.

d) Đối tượng người khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

đ) Đối tượng bảo trợ xã hội thuộc Cơ sở trợ giúp xã hội công lập khi nằm viện điều trị phải thuê người chăm sóc.

(2). Cơ quan, đơn vị, tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Bộ cục dự thảo Nghị quyết, gồm: 07 Điều

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Mức trợ giúp xã hội

Điều 4. Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Điều 7. Hiệu lực thi hành

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

3.1. Mức trợ giúp xã hội

(1). Đối tượng tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được trợ cấp xã hội hàng tháng với mức chuẩn trợ giúp xã hội là 540.000 đồng/tháng nhân với hệ số 1,0 và được hưởng đầy đủ các chính sách trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội; các đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội thì Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định nâng mức trợ cấp kèm danh sách đối tượng. Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng thì chỉ được hưởng chế độ hỗ trợ của một đối tượng.

(2). Mức chi hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này như sau:

a) Trường hợp 01 đối tượng bảo trợ xã hội nằm viện phải thuê người chăm sóc được hỗ trợ 612.000 đồng/ngày công 24 giờ (bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, tết).

b) Trường hợp 02 đối tượng bảo trợ xã hội nằm viện phải thuê người chăm sóc ghép được hỗ trợ 918.000 đồng/ngày công 24 giờ (bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, tết).

3.2. Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả

Mức chi phí thực hiện chi trả trợ cấp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả, mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội, đối tượng tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này và các trường hợp đột xuất khác như sau:

(1). Đối với phương thức điện tử: Tối đa 0,7% trên tổng số tiền chi trả.

(2). Đối với phương thức chi trả trực tiếp bằng tiền mặt:

a) Tối đa 1,0% trên tổng số tiền chi trả ở khu vực nông thôn (các xã).

b) Tối đa 0,9% trên tổng số tiền chi trả ở khu vực đô thị (các phường).

III. HÌNH THỨC, THỜI GIAN TRUYỀN THÔNG

1. Hình thức truyền thông

a) Truyền thông trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai.

b) Thực hiện truyền thông trên Trang Thông tin điện tử Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan.

c) Thông qua hoạt động đóng góp ý kiến, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Thời gian truyền thông

Thời gian truyền thông dự thảo hồ sơ Nghị quyết cho đến khi cấp có thẩm quyền thông qua hoặc ban hành Nghị quyết.

Sở Y tế đề nghị các đơn vị quan tâm, phối hợp tổ chức thực hiện truyền thông hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định, đặc biệt đối với các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách./.

Hồ sơ gửi kèm theo:

1. Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn và mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

2. Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn và mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

3. Dự thảo Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/07/2022 quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội và Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

4. Bảng so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết;

5. Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16; Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội; Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

8. Nghị quyết số Nghị quyết số 09/2022/NQHĐND ngày 08/07/2022; Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024, Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024;

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, CSXH (Dung).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Thị Mai Hương